TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2018
V/v "tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Tống Văn Tư**
2. Ông **Trần Trung Nhân**
- *Thư ký phiên Tòa:* Bà **Đặng Thị Thùy Dung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 559/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2.Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1997.
Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Anh T có mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 26/6/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Do quen biết nên anh và chị Nguyễn Thị N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức lễ hỏi, cưới và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm với nhau nên chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay nên tình cảm không còn. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/5/2014 hiện đang sống cùng với anh. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Nay anh xin ly hôn với chị N. Về con chung: anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

Tại phiên tòa hôm nay:
- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung: anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.
- Bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Anh T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm với nhau nên chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Vì vậy anh và chị đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N xác lập từ năm 2013, sau thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, phía anh T cương quyết xin ly hôn và xác định không thể sống chung được với chị N, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì, chị N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh T và cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời chứng tỏ chị N không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/5/2014 hiện đang sống chung với anh T. Tại phiên tòa anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu V hiện đang sống chung với anh T ổn định từ khi sinh ra cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N cũng không có yêu cầu nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho anh T nuôi dưỡng cháu V là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu. Tại phiên tòa anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2.Về con chung: Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng một con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị N là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/5/2014. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4.Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 09060 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như anh T đã thi hành xong tiền án phí

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị N được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm